

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Huỳnh Văn Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Phan Thanh B**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: K7, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh B chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn, đánh đập vợ con. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Phan Thanh Đ (nam), sinh ngày 15/12/2006, hiện nay đang sống chung với anh B. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thanh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh xác định giữa vợ chồng đôi khi có cự cãi nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do chị T

kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày là đúng, hiện con đang sống chung với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh B chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2005 đến nay, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị T và anh B thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận chị T và anh B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị T và anh B có 01 người con chung tên Phan Thanh Đ (nam), sinh ngày 15/12/2006. Căn cứ vào Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình thì mặc dù, hôn nhân giữa chị T và anh B là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nhưng quyền và nghĩa vụ của người chung sống với nhau như vợ chồng đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Hiện nay, con chung do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu Phan Thanh Đ là xin được ở với B, xét đây là ý chí, nguyện vọng của cháu Đ. Đồng thời, tại phiên tòa chị T và anh B thống nhất giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận. Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14, 15, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh Đ (nam), sinh ngày 15/12/2006 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Tự thỏa thuận,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, ngày 21/5/2018 chị T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008174 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, Chị T, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND TT.TVT, huyện TVT;
- UBND xã PH, huyện C N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang